# NGỮ NGHĨA VÀ HÀM Ý VĂN HÓA CỦA CHỮ 家 (*GIA*)

**NGUYỄN ANH THỤC**[1]

**Abstract**: Chinese characters are a system of symbols in Chinese, which contain deep cultural elements that are different from other sign systems. An in-depth exploration of the cultural implications in the Chinese character system reveals that it mirrors all aspects of social life. The word 家 is one of the typical Chinese characters that clearly shows the early Chinese concept of family. The article uses statistical methods, description, and analysis to clarify the relationship between shapes, sounds and meanings as well as the cultural implications of the word 家 (gia). The goal is to contribute a reference for language teaching that integrates cultural elements for Chinese majors in Vietnam.

**Keywords:** *semantics, change, culture, 家 (gia)*

## 1. Đặt vấn đề

Chữ Hán là văn tự biểu ý duy nhất còn được sử dụng trong giao tiếp xã hội hiện nay. Tính chất biểu ý của chữ Hán phản ánh sinh động phương thức tư duy, đặc điểm tri nhận của dân tộc Trung Hoa về thế giới khách quan cũng như bản thân con người. Vì vậy, chữ Hán từ trước tới nay luôn là mảng đề tài ngôn ngữ - văn hóa hết sức thú vị được giới nghiên cứu đặc biệt quan tâm. Hướng tiếp cận trong nghiên cứu chữ Hán cũng rất đa dạng và nhìn chung đều tuân thủ các quy tắc ngôn ngữ học. Từ cuối thời kì nhà Thanh, ngôn ngữ học phương Tây được giới thiệu vào Trung Quốc, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ có nhiều ý kiến trái chiều xung quanh việc lựa chọn hướng đi tiếp tục theo khuôn mẫu truyền thống hay đồng bộ hóa theo phương pháp ngôn ngữ học phương Tây. Không thể phủ nhận, việc tiếp cận phương pháp ngôn ngữ học phương Tây mang lại nhiều yếu tố mới lạ nhưng một mặt cũng gây ra tình trạng "hình thức hóa" và "trừu tượng hóa" trong nghiên cứu tiếng Trung Quốc. Gần đây, một số học giả đã tranh luận, phản biện và phân tích truyền thống hiện trạng nghiên cứu ngôn ngữ học đồng thời đưa ra hướng đổi mới ngôn ngữ học Trung Quốc. Điển hình như trong *Diễn giải chữ Hán và truyền thống văn hóa*, Hoàng Đức Khoan cho rằng, diễn giải chữ Hán cần làm rõ các thuộc tính và cấu trúc bản thể chữ Hán [4, tr.205]. Vương Ninh trong *Ngôn ngữ văn tự học Trung Quốc thách thức và lựa chọn* đề xuất nên dựa trên thực tại của tiếng Hán để nghiên cứu sâu hơn và chắt lọc những tinh hoa của ngôn ngữ học truyền thống, đồng thời học hỏi các phương pháp tiên tiến từ phương Tây song cần cẩn trọng trước việc đồng bộ hóa một cách mù quáng. Ông nhấn mạnh, ngôn ngữ văn tự học Trung Quốc cần đi theo con đường đổi mới, tự chủ sáng tạo, nhìn nhận tính dân tộc và nhân văn trong bản thể ngôn ngữ, đó mới chính là con đường mở rộng phát triển của ngôn ngữ học Trung Quốc [10].

Ngôn ngữ phản ánh nhận thức của con người về thế giới khách quan, ngôn ngữ hòa hợp, gắn kết chặt chẽ với văn hóa. Bất kì sự phát triển nào của văn hóa dẫn đến sự thay đổi về ngôn ngữ, ngược lại sự biến đổi ngôn ngữ phản ánh, tác động đến văn hóa. Trong hệ thống ngôn ngữ - văn hóa Trung Quốc, điều này càng được phản ánh rõ nét. Chữ Hán là công cụ ghi chép, cũng là tấm gương phản chiếu diện mạo xã hội cổ đại của dân tộc Trung Hoa, hàm ý văn hóa tiềm ẩn trong chữ Hán vô cùng sâu sắc. Gia đình được coi là tế bào của xã hội. Xã hội Trung Quốc truyền thống rất coi trọng gia đình. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê, mô tả, phân tích, tìm hiểu mối quan hệ giữa hình, âm và nghĩa của 家 (*gia*), từ đó làm rõ nội hàm văn hóa cũng như quan niệm về gia đình tiềm ẩn trong chữ Hán này, nhằm góp một tài liệu tham khảo cho công tác dạy học ngôn ngữ kết hợp với thành tố văn hóa cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc ở Việt Nam.

[1] TS, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

**2. Về sự biến đổi ngữ nghĩa của 家 *(gia)***

***2.1. Nghĩa gốc của 家 (gia)***

家 (*gia*) là chữ Hán thường gặp, xuất hiện với tần số lớn trong giao tiếp tiếng Hán, nghĩa cơ bản của nó không thay đổi nhiều nhưng trong quá trình phát triển, đã xuất hiện nhiều tầng nghĩa mở rộng và còn sử dụng làm phụ tố. Khi phân tích quá trình phát triển nghĩa của chữ 家 (*gia*), chúng tôi tìm hiểu từ bốn khía cạnh: (1) nghĩa gốc của 家 (*gia*), (2) nghĩa mở rộng khi 家 (*gia*) được sử dụng như một từ đơn âm tiết và là ngữ tố trong từ phức, (3) cách dùng 家 (*gia*) được sử dụng như một phụ tố.

家 (*gia*) trong chữ Giáp cốt thời nhà Thương có rất nhiều cách viết, chúng tôi đơn cử một số dạng cơ bản như trong Hình 1 sau:



*Hình 1. Một số dạng cơ bản của 家 (gia) trong chữ giáp cốt nhà Thương* [1, tr.201]

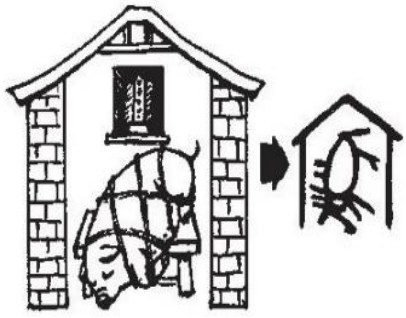


*Hình 2. Diễn biến quá trình phát triển nguồn gốc của 家 (gia)* [3]

Quan sát Hình 2 dưới đây có thể thấy, chữ 家 (*gia*) ra đời sớm và trải qua ba thể, chữ Kim điển hình vào thời Tây Chu, tiếp đó phát triển thành chữ Triện thời nhà Tần, sau đó trải qua chữ Lệ nhà Hán rồi hình thành chữ Khải 家 phổ biến hiện nay.

Nhà nghiên cứu ngôn ngữ học Trung Quốc thời Đông Hán - Hứa Thận trong *Thuyết văn giải tự* (说文解字) giải thích về từ 家 (*gia*) như sau: "家 là nơi cư trú, hình thái chữ sử dụng "宀" làm thành tố biểu nghĩa, lược bỏ thành tố biểu âm "叚" của 豭 *jiā* làm thành tố biểu thanh, 家 thuộc về chữ hình thanh" [14, tr.150]. Học giả chuyên nghiên cứu về chú giải âm vị học nổi tiếng nhà Thanh, Đoàn Ngọc Tài trong *Thuyết văn giải tự chú* (说文解字注) cho rằng nghĩa của "家 *gia*": "尻 trước đây trong văn bản cổ đại là 居 (tức là ở), nay đọc là 尻 zhèng. 尻 có nghĩa là nơi cư trú hay nơi dừng chân. Khi giải nghĩa, tác giả đề cập đến 宫 như là cung điện, trong khi 宸 lại là khoảng trống giữa cửa sổ và cửa, được mô tả là không gian bên trong cung điện và gọi là *nhà*. Mở rộng nghĩa liên tưởng đến vị thế của Thiên tử, Chư hầu thì gọi là *quốc gia*, còn với bậc Khanh đại phu thì gọi là *nhà*." [1]. Cách giải thích này đã liên kết khái niệm về gia đình và quốc gia. Bên cạnh đó, hình dạng của 家 (gia) từ chữ Giáp cốt đến chữ Khải không có sự biến đổi nhiều về hình thức như một số chữ Hán khác mà gần như luôn duy trì cấu trúc kết hợp giữa hai bộ kiện "宀" và "豕", chỉ có chút biến đổi khi viết chữ giản thể và phồn thể, đồng thời ý nghĩa của chữ 家 (*gia*) cũng không có sự chênh lệch lớn so với nghĩa gốc.

Dựa vào đặc điểm cấu tạo chữ của 家 (*gia*), có nhiều giả thuyết tranh luận về nghĩa gốc của 家 (*gia*) tại sao lại là bộ thỉ 豕 (*shǐ*) (quan sát chữ Hán cổ, bộ kiện này giống hình con lợn (heo), nghĩa gốc là lợn (heo)) đặt dưới bộ 宀. Họ cho rằng, con lợn (heo) là một phần không thể thiếu trong các nghi thức cúng tế xưa. Trong lịch sử cổ đại Trung Quốc, cúng tế là nghi thức được người xưa rất coi trọng để tri ân tổ tiên và cầu nguyện sự phù hộ của đấng thần linh tối cao. Trong *Tả truyện • Thập tam niên* (左传•十三年) viết rằng: "Quốc gia có công việc lớn, đó là cúng tế và quân sự". Điều này lí giải người xưa sử dụng lợn (heo) chứ không phải là gia súc khác để cúng tế, trong *Hoài nam tử • Tích luận huấn* (淮南子· 氾论训) giải thích: "…Thần linh ưu ái lợn (heo), đơn giản vì lợn (heo) là loài động vật mà gia đình thường xuyên chăn nuôi và dễ dàng phát triển, sinh sôi nảy nở" [6]. Có lẽ trong thời kì



*Hình 3. Tế lễ bằng lợn (heo)* [14, tr.150]

cổ đại, khi sức sản xuất kém, khả năng sinh sản của lợn (heo) mạnh nên người tiền cổ thường chọn nuôi lợn (heo) tại nơi cư trú với mong muốn lấy lợn (heo) làm biểu tượng cho sự thịnh vượng của gia đình, gia tộc. Chính nhu cầu kép đến từ gia đình và xã hội đã khiến cho loài vật nhỏ bé này có vị trí đặc biệt và cuối cùng đã được chọn làm một phần quan trọng dưới bộ 宀. La Côn trong tác phẩm *Thích gia* (释家) cũng nhận định: 家 (*gia*) thuộc chữ hội ý kiêm tượng hình, với các bộ 宀从豭 biểu thị nhà ở và con lợn (heo), biểu tượng của tài sản trong bộ lạc nông nghiệp, nên chữ 家 (*gia*) chính là chữ 豭 (chỉ lợn nuôi trong nhà). Từ đó, 家 (*gia*) có nghĩa hàm chỉ một dòng tộc cùng huyết thống sống chung trong một ngôi nhà và có tài sản chung. Đây cũng chính là gia tộc - một tổ chức xã hội mới ra đời phá vỡ chế độ sở hữu công hữu thị tộc" [9].

Một cách lí giải khác khá thuyết phục cho rằng 家 (*gia*) thuộc loại chữ tượng hình xuất hiện đánh dấu sự bắt đầu của dân tộc Hoa Hạ từ việc sinh sống trong hang động hoang dã chuyển hướng đến sinh sống trong nhà. Sự chuyển biến từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái văn hóa của tổ tiên Hoa Hạ cho thấy, người tiền sử đã có khả năng sử dụng phương tiện xây dựng để điều chỉnh mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Hình thái văn tự của 家 (*gia*) như phân tích trên ngụ ý hình thành ban đầu của 家 (gia) có bố trí không gian chung cho người và gia súc. Nhà nghiên cứu La Thường Bồi từng nhận định: "家 (*gia*) trong thời kì tiền sử tầng trên cho người ở, tầng dưới chăn nuôi lợn (heo)" và minh chứng những "ngôi nhà ở nông thôn ở Vân Nam hiện vẫn còn lưu giữ kiểu cấu trúc đặc trưng như vậy" [8]. Song ý nghĩa lịch sử được ghi dấu qua đồ hình văn tự của 家 (*gia*) không chỉ giới hạn ở bối cảnh xa xưa với nghĩa không gian chung cho người và gia súc mà nó đại diện tổng thể cho nét văn hóa ở nhiều vùng miền của Trung Quốc như: nhà tre của dân tộc Thái, nhà đình bằng đá của dân tộc Tạng, nhà sàn của dân tộc Mèo thường có tầng trên để ở và tầng dưới chăn nuôi gia súc. Nhà dân tộc Bạch có ba sảnh và một bức tường ngăn giữa không gian sống của người và gia súc... Mặc dù, sự xuất hiện của kiến trúc hiện đại và các căn hộ chung cư đã thay đổi cấu trúc gia đình nguyên thủy về sự chung sống giữa con người và gia súc, tuy nhiên nó vẫn được coi là một dạng lưu giữ ký ức lịch sử được ghi dấn ấn rõ nét trong tượng hình của chữ 家 (*gia*), trở thành biểu tượng văn hóa mà *tiền nhân sở dĩ thùy hậu, hậu nhân sở dĩ thức cổ* (前人所以垂后，后人所以识古: những kinh nghiệm, giá trị văn hóa tiền nhân để lại giúp hậu thế hiểu biết về cội nguồn lịch sử xa xưa).

***2.2. Nghĩa mở rộng của 家 (gia) khi là từ đơn âm tiết và làm ngữ tố trong từ phức***

Cùng với quá trình phát triển của xã hội, nghĩa của từ ngày càng mở rộng nhằm đáp ứng yêu cầu giao tiếp. Học giả Tưởng Thiệu Ngu đã giải thích nghĩa mở rộng của từ ở khía cạnh nghĩa tố, ông cho rằng: "Các nghĩa tố ban đầu thông qua phương pháp tăng hoặc giảm tạo ra các nghĩa tố mới đồng thời giữa nghĩa cơ bản và nghĩa mới sẽ có phần giống nhau. Các nghĩa này được liên kết bằng một hoặc một vài chuỗi mở rộng nghĩa, hình thành một cấu trúc mở rộng nghĩa hoàn chỉnh. Trong đó, mỗi chuỗi mở rộng nghĩa liên kết mật thiết với nhau, thể hiện vai trò quan trọng của văn hóa dân tộc và phương thức tư duy của dân tộc sử dụng ngôn ngữ đó. Thậm chí, chính ảnh hưởng bởi phương thức tư duy của dân tộc sử dụng ngôn ngữ nên ngôn ngữ mới phát triển theo hướng khác nhau" [5].

Dựa trên luận điểm trên, trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung tìm hiểu nghĩa mở rộng của 家 (*gia*). Ngoài nghĩa gốc là nơi cư trú như phân tích trên, *Hán ngữ đại từ điển* (汉语大词典) chia 家 (*gia*) làm tám nghĩa mở rộng, phổ biến như sau:

1) Tổ chức có mối liên kết huyết thống nhất định: gia đình, gia tộc (家庭/家族)

2) Nơi sinh ra hoặc sinh sống lâu dài: quê hương (家乡)

3) Quốc gia (国家)

4) Tài sản gia đình (家产)

5) Chồng/vợ (夫/妻)

6) (Động từ) Định cư/lập gia đình (定居/成家)

7) Khu vực quản lí của Khanh đại phu thời kì phân phong nhà Tây Chu (卿大夫的统治区域)

8) Trường phái học thuật (学术流派)

Trong đó bốn nghĩa số: 1, 2, 3, 4 chủ yếu xuất phát từ việc mở rộng nghĩa hoặc chuyển nghĩa, một số đã không còn được sử dụng độc lập nhưng vẫn thường xuất hiện trong tổ hợp từ với từ.

Ở nghĩa số 5 và 6, Trịnh Huyền trong chú giải *Chu Lễ• Địa quan* (周礼•地官) viết rằng: *hữu phu, hữu phụ nhiên hậu vi gia* (有夫有妇然后为家: có chồng có vợ mới có gia đình) [16, tr.277]. Khổng Dĩnh Đạt chú thích: *Gia do phu dã, do phụ dã* (家犹夫也，犹妇也: Gia đình được tạo thành bởi chồng và vợ). Điều này phản ánh quan điểm gia đình trong xã hội cổ đại, cho rằng một gia đình ít nhất nên có chồng và vợ. Từ đây, nghĩa mở rộng liên quan của 家 (*gia*) có thể hiểu là cách xưng hô xưa chỉ *chồng* hoặc *vợ* hay *kết hôn thành gia* và hiện nay, chúng không diễn đạt nghĩa này dưới dạng từ đơn âm thiết 家 (*gia*) mà thay vào đó sử dụng cụm từ 成家 (*thành gia*) biểu đạt nghĩa xây dựng gia đình, phản ánh xu hướng đa âm tiết trong tiếng Trung hiện đại.

Nghĩa số 7, 家 (*gia*) thời Tây Chu chỉ *quốc gia* (国家) hay *triều đình* (朝廷), một nghĩa đã được mở rộng từ *gia tộc* (家族). Sau khi thực hiện chế độ phân phong (分封制), nghĩa của 家 (*gia*) đã thu hẹp lại, phiếm chỉ khu vực thống trị của Khanh đại phu thời kì phân phong nhà Tây Chu như chú giải của Trịnh Huyền: "*Gia, đại phu chi thái địa* (家，大夫之采地: Gia, chỉ phạm vi đất đai quản lí của Khanh đại phu) [16, tr.933].

Ngoài các nghĩa đã nêu trên, ở nghĩa số 8, 家 (*gia*) biểu thị trường phái học thuật của các học giả *tiên Tần chư tử bách gia* (先秦诸子百家) thời thời Xuân thu - Chiến quốc[2] như *Nho gia, Đạo gia, Pháp gia* và những trường phái khác. Rõ ràng, một gia tộc là sự tập hợp của những người có mối quan hệ huyết thống chung, một dân tộc là kết nối của những người có chung nền văn hóa, ngôn ngữ và tín ngưỡng. Tương tự, một trường phái học thuật là quy tụ của nhóm người theo đuổi và chia sẻ cùng một triết lý, giá trị và quan điểm học thuật. Vì vậy, có thể hiểu nghĩa biểu thị trường phái học thuật được mở rộng từ nghĩa 家庭 (*gia đình*) của 家 (*gia*).

Khi 家 (*gia*) là ngữ tố trong cấu tạo từ phức, một số nghĩa của 家 (*gia*) sau thời kì Trung cổ dần biến mất, thay vào đó là sự kết hợp của 家 (*gia*) với các thành tố khác ngày càng nhiều hơn. Tuy nhiên, trong tiếng Hán cổ đại, quan hệ tổ hợp khó xác định rõ rệt là từ song âm tiết hay đoản ngữ, vì vậy nhìn nhận sự biến đổi nghĩa khi 家 (*gia*) làm ngữ tố, chúng tôi coi tổ hợp này là *từ phức âm*. Trong tình huống này, tổ hợp thuộc từ *phức âm* gồm hai loại: một là tổ hợp ngữ tố với động từ như *xuất gia* (出家: đi tu), *khởi gia* (起家: bắt đầu lập gia đình)...; hai là kết hợp với ngữ tố danh từ như *gia nhân* (家人: người nhà), *điền gia* (田家: nhà nông)... Bên cạnh đó, 家 (*gia*) trong xã hội phong kiến cổ đại Trung Quốc còn có nghĩa phiếm chỉ gia đình chuyên kinh doanh ngành nghề nào đó và nghĩa này vẫn

[2] Thời kì Xuân Thu Chiến Quốc là giai đoạn chuyển mình từ chế độ lãnh chúa phong kiến sang chế độ địa chủ phong kiến, giữa các giai cấp mới và cũ, giữa các tầng lớp và giai cấp khác nhau. Tri thức văn hoá vốn đóng khung trong giới quan lại đã được mở rộng đến tầng lớp bình dân nên được truyền bá rộng rãi hơn. Sự sụp đổ của nhà Tây Chu thúc đẩy con người thoát khỏi sự mê tín vào thế giới thần linh, thiên địa, tập trung nhiều hơn vào việc thống nhất, quản lí đất nước. Cục diện *thứ dân bất nghị* (庶人不议: dân thường không được tham gia chính sự) đã bị phá vỡ, thay vào đó là hàng loạt các hệ tư tưởng thuộc trường phái học thuật được gọi là tư tưởng của một *gia* hay *gia phái* như *Đạo gia, Nho gia, Pháp gia, Tạp gia* v.v… đã xuất hiện nở rộ. Đối mặt với các vấn đề xã hội và học thuật, *chư tử bách gia* đồng loạt công bố các quan điểm khác nhau, mở rộng cuộc tranh luận sôi nổi, lịch sử gọi là *Bách gia tranh minh*.

được duy trì đến ngày nay như: *nông gia* (农家: nhà nông), *điếm gia* (店家: nhà hàng), *thuyền gia* (船家: nhà thuyền), v.v...

***2.3. Cách dùng của 家 (gia) khi làm phụ tố***

Phụ tố, là một khái niệm trong ngôn ngữ học, chỉ các yếu tố ngôn ngữ được thêm vào trên cơ sở của từ gốc để tạo thành từ mới hoặc thay đổi hình thái của từ. Chúng không tồn tại độc lập mà cần kết hợp với thành tố khác để tạo ra từ như: *dương cầm gia* (钢琴家: nghệ sĩ dương cầm), *khoa học gia* (科学家: nhà khoa học), *chính trị gia* (政治家: nhà chính trị), *xã hội hoạt động gia* (社会活动家: nhà hoạt động xã hội)… dùng biểu thị người có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực nào đó. Vậy 家 (gia) nhược hóa trở thành phụ tố khi nào? Vương Vân Lục, Quách Dĩnh cho rằng phụ tố 家 (*gia*) đã xuất hiện từ thời kì lưỡng Hán, trong các sách y học cuối Đông Hán có cấu trúc "tên bệnh + 家" như *vị gia* (胃家), *tì gia* (脾家), *sang gia* (疮家), *trung hàn gia* (中寒家) [10], song vào thời điểm đó, 家 (*gia*) không xuất hiện nhiều trong tài liệu và không được phổ biến rộng rãi. Đến thời kì Tống Nguyên mới xuất hiện một số từ vựng cấu trúc "N 家" như: *cô nương gia* (姑娘家), *phụ nhân gia* (妇人家), *tú tài gia* (秀才家) , *lão nhân gia* (老人家)... và mặc dù hình thức của chúng giống loại từ vựng thể hiện ngành nghề hoặc hoạt động chuyên môn cụ thể nhưng đã bị nhược hóa trở thành phụ tố.

**3. Hàm ý văn hóa của 家 (*gia*)**

"Ngôn ngữ là hệ thống kí hiệu ghi chép văn hóa, ngôn ngữ và văn hóa tác động lẫn nhau và hạn chế nhau." [13]. Sự biến đổi ngữ nghĩa của 家 (*gia*) với tư cách là từ đơn âm tiết, từ phức âm đến phụ tố, 家 (*gia*) đã xuất hiện nhiều lớp nghĩa khác nhau, cùng với đó là hàm ý văn hóa sâu sắc ẩn chứa trong chữ 家 (*gia*).

***3.1. 家 (gia) và nền văn minh văn hóa nông nghiệp Trung Hoa***

Dựa trên lí thuyết của đơn vị thông tin ngôn ngữ, ngôn ngữ như một biểu tượng của văn hóa, phản ánh những đặc điểm độc đáo và sự phát triển của lịch sử dân tộc. 家 (*gia*) thuộc đơn vị thông tin ngôn ngữ nhỏ nhất. Từ hình thái, ý nghĩa và cơ sở tạo từ của chữ 家 (*gia*) chúng ta có thể thấy sự phong phú và phát triển liên tục của văn minh nông nghiệp Trung Hoa trong suốt hàng nghìn năm, từ lối sống du mục chuyển sang trồng trọt, xây nhà nuôi trồng và sống gần động vật, thậm chí động vật sống chung trong không gian ngôi nhà [12].

Thời kì đồ đá mới, người tiền sử đã nắm vững phương pháp canh tác và trồng trọt trải dọc lưu vực phù sa sông Hoàng Hà và sông Dương Tử. Sự tiến bộ trong công cụ sản xuất, từ đồ đá đến công cụ làm bằng gỗ, rồi bằng sắt đã đánh dấu bước chuyển mình từ xã hội nguyên thủy sang xã hội nô lệ. Không chỉ vậy, trong giai đoạn này, người tiền sử còn chăn nuôi gia súc. Dựa trên các hiện vật cổ như tượng gốm đầu lợn (heo) khai quật tại di tích Bồi Lí Cảng, tỉnh Hà Nam hay xương lợn (heo) khai quật tại khu vực Hạ Vương Cương, huyện Tích Xuyên, tỉnh Hà Nam cho thấy người tiền cổ chú trọng vào việc nuôi lợn (heo). Vì thế, có thể lí giải chữ 家 (*gia*) được tạo ra cùng với sự xuất hiện và phát triển của nền văn hóa nông nghiệp Trung Quốc.

***3.2. 家 (gia) và việc thành hôn, lập nghiệp***

Sau thế kỉ XVIII, một khái niệm về gia đình hiện đại đã dần hình thành, dựa trên hôn nhân và mối quan hệ huyết thống, với giới hạn phạm vi từ cộng đồng người thân sống chung [15]. Nghĩa của khái niệm này tương tự với khái niệm gia đình trong nền văn minh Trung Hoa, tức gia đình là đơn vị cơ bản của xã hội và được hình thành qua các mối liên kết hôn nhân, quan hệ huyết thống và nuôi dưỡng, có hoạt động cùng chung sống. Chữ 家 (*gia*) không chỉ phản ánh sự phát triển sản xuất trong thời kì xã hội nguyên thủy khi dần chuyển sang xã hội nô lệ, mà còn biểu hiện sự xuất hiện của chế độ tư hữu và hình thành gia đình. Những người bắt đầu ý thức bảo vệ không gian sống và quyền lợi cá nhân, đặt sự chú ý lớn hơn và có chiều hướng thiên về "tư/ riêng" thông qua việc duy trì mối liên kết huyết thống.

Khi ý thức về sự sở hữu cá nhân xuất hiện, mối quan hệ giữa con người không thể tránh khỏi sự pha trộn với nhiều yếu tố khác nhau và có khả năng thay đổi bất cứ lúc nào, trong khi mối quan hệ huyết thống lại khá ổn định, bền vững. Do đó, các từ liên quan như 家人 (*gia nhân*), 家庭 (*gia đình*), 家族 (*gia tộc*) thường chứa đựng ý nghĩa kết nối chặt chẽ về quan hệ huyết thống và tất nhiên không thể thiếu sự kết hợp giữa người chồng và người vợ. Do đó, cũng không khó lí giải khi từ 家 (*gia*) sử dụng như một từ đơn âm tiết có thể xuất hiện các ý nghĩa như 夫 (*phu:* chồng) hoặc 妻 (*thê:* vợ) hay là nơi chung sống của hai người có mối quan hệ hôn nhân.

Ở một khía cạnh lí giải khác, dân tộc Trung Hoa cổ vốn có tư tưởng trước khi thành nghiệp thì phải thành gia. Người xưa có câu: *Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ* (修身齐家治国平天下). 家 (*gia*) ở đây được đề cập như một lễ trưởng thành nhưng khác biệt so với sự trưởng thành theo nghĩa pháp luật, nó đề cao khả năng đảm nhận trách nhiệm gia đình và xã hội. Có thể thấy, một loạt các cụm từ liên quan đến ý nghĩa văn hóa đó đã xuất hiện như: 安家立业 *an gia lập nghiệp*, 家成业就 *gia thành nghiệp tựu*, 成家立业 *thành gia lập nghiệp*, 安家落户 *an gia lạc hộ*, v.v.

***3.3. 家 (gia) và hệ thống phong tục tôn giáo của Trung Quốc***

家 (*gia*) không chỉ có nghĩa gốc là nơi cư trú mà còn mở rộng thành hàm nghĩa *gia quốc nhất thể* (家国一体: gia đình và quốc gia là một thể thống nhất). Văn hóa lễ nghi được ánh xạ qua 家 (*gia*) phản ánh các quy tắc đạo đức chuẩn mực và quan điểm về gia đình của Trung Hoa cổ đại. Khi nhà Hạ truyền ngôi theo hình thức cha truyền con nối (父死子继), thiên hạ là của một gia tộc (家天下), xã hội bộ lạc thị tộc nguyên thủy dần chuyển sang chế độ tông pháp lấy 家 (*gia*) làm nền tảng, duy trì sự ổn định của xã hội đồng thời tạo ra những quan niệm gia đình đặc sắc của Trung Quốc như: *dĩ phụ vi tôn* (以父为尊: cha là người có uy quyền và được tôn vinh nhất trong gia đình), *gia hòa vạn sự hưng* (家和万事兴: gia đình hòa thuận tất mọi sự sẽ hanh thông). Đồng thời, quan niệm *gia quốc đồng cấu* (家国同构: tổ chức cấu trúc gia đình và quốc gia đồng nhất) là đặc điểm quan trọng của xã hội cổ đại Trung Quốc, trải qua bao triều đại thay ngôi đổi chúa, các hoàng đế đều coi *thiên hạ như gia* (天下如家), triển khai các hoạt động sản xuất, thuế và dịch vụ dựa trên đơn vị quản lí hành chính nhỏ nhất của một quốc gia là 家 (*gia*). Quốc gia được xây dựng trên nền tảng của 家 (*gia*), vì vậy 家 (*gia*) không chỉ là nơi cư trú thuần túy mà mang màu sắc chính trị nhất định và thấm sâu vào tâm thức thứ dân. Dưới chế độ *gia quốc đồng cấu*, cấu trúc gia đình được hình thành bởi sự phân chia quyền lực theo hệ thống thừa kế của con trai trưởng, hình thành khái niệm *gia thị tiểu quốc, quốc thị đại gia* (家是小国，国是大家: gia đình là quốc gia thu nhỏ, quốc gia là một gia đình lớn). Trong xã hội phụ quyền đó, vua là người cai trị cao nhất một quốc gia, cha là người nắm giữ quyền lực cao nhất trong gia đình. Quan hệ gia đình thiết lập theo quy tắc *phu vi thê cương, phu vi tử cương* (夫为妻纲, 父为子纲) [2]. So với mối quan hệ gia đình tự do và bình đẳng ở phương Tây, dưới ảnh hưởng của hệ thống tôn giáo, quan điểm gia đình của Trung Quốc chú trọng mối quan hệ giữa đạo chồng - vợ và đạo cha - con, từ đó hình thành quan điểm gia đình xoay quanh lòng hiếu thảo. Cùng với đó, trong hệ thống *gia quốc đồng cấu*, đạo hiếu trong gia đình được mở rộng thành lòng trung thành với quốc gia. Chính những chuẩn tắc quy phạm, thể chế và lễ nghi liên quan đến 家 (*gia*) khiến 家 (*gia*) hàm chứa quan niệm hiếu nghĩa gia đình sâu sắc như: *tôn lão ái ấu* (尊老爱幼: tôn trọng người già yêu thương trẻ nhỏ), *thân tình chí thượng* (亲情至上: tình thân là cao quý nhất).

Ở tầng giá trị tín ngưỡng, việc tu dưỡng nhân cách liên quan mật thiết đến các khái niệm như: *gia quy* (家规: chuẩn tắc gia đình), *gia huấn* (家训: giáo huấn gia đình), *gia phong* (家风: lề thói gia đình), *gia giáo* (家教: lễ giáo gia đình) v.v... Điều này lí giải tại sao văn hóa giáo dục gia đình của dân tộc Trung Hoa có bề dày lịch sử như vậy, từ sách *Giới tử thư* (诫子书: viết cho con trai) của Gia Cát

Lượng đến bài thơ *Thị Nhi* (示儿: dạy dỗ con trai) của nhà thơ đời Tống - Lục Du đều thể hiện giá trị văn hóa giáo dưỡng gia đình đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc định hình nhân cách tốt đẹp của con người.

**4. Kết luận**

Xuất hiện từ thời kì đầu của chữ giáp cốt, mối liên hệ giữa hình, âm và nghĩa của 家 (*gia*) chứng tỏ tính chất biểu ý của chữ Hán, đồng thời thể hiện phương thức tư duy, đặc điểm tri nhận của dân tộc Trung Hoa về thế giới khách quan cũng như đời sống của con người. Quá trình biến đổi và phát triển nghĩa của 家 (*gia*) ở một chừng mực nhất định đã phản ánh diện mạo xã hội cũng như quan niệm của dân tộc Trung Hoa về gia đình trong tương quan với xã hội. Ngoài vai trò làm từ đơn ra, 家 (*gia*) còn có thể làm từ tố, có khi là phụ tố tạo từ, khiến cho nghĩa gốc của 家 (*gia*) không còn bó hẹp trong phạm vi cư trú mà mở rộng các lớp nghĩa khác nhau, như *gia đình, quốc gia, gia sản, phi hành gia, nghệ thuật gia*… Hàm ý văn hóa sâu sắc của 家 (*gia*) cho thấy sự phát triển nền văn minh nông nghiệp lúa nước của người tiền sử, các quy định và luật lệ cũng như văn hóa tín ngưỡng tiềm ẩn trong 家 (*gia*) đại diện cho quan niệm gia đình chặt chẽ về tam cương ngũ thường cũng như phản ánh sự kế thừa của lễ giáo, gia phong xoay quanh mối liên kết huyết thống, lễ nghĩa, lòng trung hiếu. Cùng với những đổi thay của lịch sử, nghĩa mà 家 (*gia*) chuyển tải cũng không ngừng biến đổi, phản ánh chân thực tồn tại xã hội. Qua đó, chúng ta càng hiểu sâu hơn nét văn hóa cổ xưa của dân tộc Trung Hoa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO


1. 段玉裁 ,《*说文解字注*》，上海古籍出版社，P.201, 1981。
2. 范立舟，张载,《*对宗法制度的构思及其"民胞物与"的大同理想*》，杭州师范大学学报(社会科学版), 第 05 期, P.12-19, 2017。
3. 汉典网（家）https://www.zdic.net/, truy cập ngày 20 tháng 3 năm 2024.
4. 黄德宽，常森,《*汉字阐释与文化传统*》，北京师范大学出版社，P.205, 2014。
5. 蒋绍愚,《*古汉语词汇纲要*》，北京大学出版社, 1989。
6. 廖莫寒,《*从字形考察"家"的词义引申*》，焦作师范高等专科学校学报，第 02 期, 2020。
7. 李乐毅编,《*汉字演变五百例*》，北京语言学院出版社，P.153, 1992。
8. 罗常培 ,《*语言与文化*》，语文出版社，P10, 1989。
9. 罗琨，张永山,《*家字考源*》,考古与文物, 1982。
10. 王宁,《*中国语言文字学面临的抉择*》,励耘语言学刊，第 01 期, 2017。
11. 王云路，郭颖,《*试说古汉语中的词缀"家"*》，古汉语研究，P.29 - 33, 2005。
12. 吴佩如,《*大学生家庭概念知觉之调查研究*》，国立屏东教育大学教育学系硕士班硕士学位论文 (台湾) , 2010。
13. 邢福义,《*文化语言学*》（修订本），湖北教育出版社, 2000。
14. 许慎,《*说文解字*》，北京中华书局，P.150, 1979。
15. 俞金尧,《*欧洲历史上家庭概念的演变及其特征*》，世界历史，第 04 期, 2004。
16. 郑玄，贾公彦,《*周礼注疏*》, 上海古籍出版社，P.277, P933, 2017。